

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 7 Điều 48, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 396, và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 54, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 569/2026/TLST-HNGĐ ngày 17/04/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Phạm Lê M** – sinh năm 1985;

CCCD: 001085008326 cấp ngày 21/5/2025;

HKTT và hiện ở: số A L, phường H, TP Hà Nội.

- Bà **Nguyễn Hải Y** – sinh năm 1989;

CCCD: 001189025198 cấp ngày 06/12/2023;

HKTT: số 113 Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

Hiện ở: số 91 Định Công, phường Phương Liệt, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Phạm Lê M và bà Nguyễn Hải Y kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, TP Hà Nội (nay là UBND phường H, TP Hà Nội). Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2012 ngày 11/7/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm và cách sống nên vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay tình cảm không còn nên ông bà cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn là hoàn

toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội; Việc ông bà tự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, về lệ phí giải quyết việc dân sự là hoàn toàn tự nguyện nên được ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Lê M và bà Nguyễn Hải Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Lê M và bà Nguyễn Hải Y cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 01 con chung là Phạm Hải B, sinh ngày 04/11/2012.

Ly hôn, ông bà thống nhất thỏa thuận: Giao con chung là Phạm Hải B cho bà Nguyễn Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông bà thỏa thuận ông M cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Ông bà cùng xác nhận tại thời điểm ly hôn ông bà không có thai chung.

- Về tài sản chung và nhà đất ở chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về công nợ: Ông bà cùng xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Lê M tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0009477 ngày 17/04/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND Khu vực 3, TP Hà Nội;
- UBND p.Hai Bà Trưng
(Giấy CNKH số 32 ngày 11.7.2012)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Việt Anh